TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/DS -ST
Ngày 12 - 3 - 2021
" V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Kim Cương
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Hoàng Kha
Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Thúy An - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa***: Bà Trịnh Ngọc Giàu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 454/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2021, về việc: "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị P, sinh năm 1958.
Cư trú tại: Số 424, đường T, khóm 6, phường 9, thành phố M, tỉnh Cà Mau. (Có mặt)

- *Bị đơn:* 1. Ông Trần Thanh N (vắng mặt)
2. Bà Tô Kim L, sinh năm 1973 (xin vắng mặt)
Cùng cư trú: Số 142, đường X, khóm 2, phường 8, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Cao Thị P trình bày: Vào ngày 15 tháng 10 năm 2019 (âm lịch), bà có cho vợ chồng ông Trần Thanh N và bà Tô Kim L vay số tiền 200.000.000 đồng. Khi vay ông N có làm biên nhận vay tiền. Tự thỏa thuận lãi suất bằng miệng 3%/tháng. Từ khi vay đến nay, vợ chồng ông N và bà L có đóng lãi được 06 tháng. Từ tháng 3/2020 (âm lịch) đến nay không trả lãi. Nay bà yêu cầu ông N và bà L trả cho bà tổng số tiền vốn vay còn nợ là 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Tại biên bản ghi ý kiến vào ngày 18/01/2021bà Tô Kim L trình bày: Bà cùng chồng là ông Trần Thanh N có vay của bà Cao Thị P số tiền 200.000.000 đồng, nhưng khoản vay này là vay vào năm 2016 (không nhớ rõ ngày tháng) cho đến ngày 15/10/2019 ông N mới viết biên nhận cho bà P. Từ khi vay vào năm 2016 đến tháng

5/2020 vợ chồng bà đóng lãi cho bà P mỗi tháng là 12.500.000 đồng, việc đóng lãi thì bà không có ghi sổ theo dõi và cũng không có biên nhận, giấy tờ chứng cứ gì chứng minh cho việc đóng lãi này. Tại biên nhận ngày 15/10/2019 chỉ mình ông N ký tên, chữ viết và chữ ký trong biên nhận là do ông N viết. Nay bà xác định đây là nợ chung của vợ chồng bà và bà đồng ý có trách nhiệm cùng ông N trả nợ cho bà P. Bà đồng ý thanh toán cho bà P tổng số nợ 200.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi vợ chồng bà đã trả cho bà P bà không có yêu cầu đối trừ hay yêu cầu gì khác. Do kinh tế gặp khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Bà đã nhận các thông báo thụ lý vụ án và các thông báo mời hòa giải nhưng vợ chồng bà bận công việc không thể đến Tòa án và bà xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử.

Đối với ông Trần Thanh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập xét xử lần thứ hai theo quy định pháp luật, nhưng ông N vắng mặt không có lý do. Ông N cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị P.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã đảm bảo đúng thủ tục tố tụng theo quy định, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông N bà L thanh toán cho bà P số tiền nợ là 200.000.000 đồng.

Án phí xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Nội dung quan hệ pháp luật các đương sự tranh chấp được xác định là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại phường 8, thành phố Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Thanh N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt không có lý do. Bị đơn bà Tô Kim L có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N và bà L theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự,

[3] Nội dung tranh chấp: Nguyên đơn xác định bị đơn ông N, bà L có vay của nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng khi vay tiền giữa nguyên, bị đơn có làm biên nhận tiền vào ngày 15/10/2019. Từ khi vay đến nay, bà P cho rằng bà L và ông N có trả lãi 06 tháng tổng số tiền 36.000.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền vốn vay còn nợ là 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn bà L thừa nhận bà cùng chồng là ông N có vay của bà P số tiền 200.000.000 đồng, thời gian vay từ năm 2016 và có đóng lãi mỗi tháng 12.500.000 đồng từ năm 2016

(không nhớ ngày tháng) đến tháng 5/2020 đến nay. Hiện đồng ý trả số tiền vốn vay 200.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng là 3.000.000 đồng.

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vốn 200.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy: Việc thỏa thuận vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp và hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không trái pháp luật. Khi vay tiền giữa các bên có làm biên nhận vay tiền ngày 15/10/2019 do bị đơn ông Trần Thanh N viết và ký tên, đều này được bà L là vợ ông N xác định đúng chữ ký và chữ viết của ông N. Bà L cho rằng vay số tiền trên từ năm 2016, bà P cho rằng bà L và ông N vay tiền từ năm 2019 không phải vay tiền từ năm 2016 như bà L trình bày. Thực tế về mặt pháp lý biên nhận vay tiền ngày 15/10/2019 số tiền vay 200.000.000 đồng là chứng cứ duy nhất và là cơ sở pháp lý. Nên nay mặc dù ông N bà L không có mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản ghi ý kiến ngày 18/01/2021 bà L đã thừa nhận còn nợ và chưa thanh toán cho bà P tiền vốn 200.000.000 đồng, lời thừa nhận của bà L phù hợp với các chứng cứ chứng minh mà nguyên đơn cung cấp hoàn toàn phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho nên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán 200.000.000 đồng tiền vốn là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi. Bị đơn có trình bày có trả lãi hàng tháng cho nguyên đơn, mỗi tháng là 12.500.000 đồng, đóng lãi từ năm 2016 (không nhớ ngày tháng) đến tháng 5/2020. Nhưng phía nguyên đơn bà P chỉ thừa nhận bị đơn có đóng lãi được 06 tháng với số tiền 6.000.000 đồng /tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc bị đơn khai có trả lãi cho nguyên đơn, nhưng nguyên đơn không thừa nhận, bị đơn cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Hiện bị đơn cũng không có yêu cầu xem xét đối trừ lại số tiền lãi đã thanh toán, nguyên đơn cũng không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi. Cho nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Về trách nhiệm thanh toán: Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc vợ chồng ông N, bà L L đới thanh toán nợ vay 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với toàn bộ giao dịch vay tiền, viết biên nhận vay tiền là ông N trực tiếp giao dịch với bà P, nhưng trong lời khai ngày 18/01/2021 bà L thừa nhận có biết việc ông N vay tiền bà P và đồng ý cùng có trách nhiệm với ông N thanh toán nợ cho bà P. Xét thấy, nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nên căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân gia đình "Vợ, chồng chịu trách nhiệm L đới với giao dịch do một bên thực hiện". Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc ông N và bà L L đới thanh toán nợ vay 200.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với việc bà L cho rằng bà không còn khả năng trả nợ, yêu cầu được trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, xét đây là tranh chấp về phương thức thanh toán nợ, thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan thi hành án nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Do phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn nên ông N và bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí, nguyên đơn đã được miễn dự nộp tạm ứng án phí nên không đặt ra việc hoàn lại tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; các Điều: 26, 35, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trần Thanh N và bà Tô Kim L liên đới thanh toán cho bà Cao Thị P tổng số tiền vay là 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng).*

Kể từ ngày bà Cao Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Thanh N và bà Tô Kim L không thi hành xong khoản tiền trên, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Thanh N và bà Tô Kim L phải chịu 10.000.000 đồng (chưa nộp). Bà Cao Thị P không phải chịu án phí, vào ngày 28/10/2020 bà P đã được miễn dự nộp tạm ứng án phí nên không đặt ra việc hoàn lại tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)

Phạm Kim Cương